

BỘ TÀI CHÍNH

Số: *M885*/BTC-TCHQ

V/v lấy ý kiến về dự thảo Thông tư
hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2011

Kính gửi:

- Bộ Tư pháp;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Kế hoạch Đầu tư;
- Ủy Ban Nhân Dân tỉnh, TP: Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Hải Phòng.

ĐẾN TỈNH:
HOÀ TỘC →

Ngày 13/01/2003, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 05/2003/TT-BTC hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng tại cảng biển Việt Nam. Qua thời gian thực hiện, Thông tư này cho thấy không còn phù hợp, không phản ánh được các loại hàng hóa tồn đọng khác, không quy định về thời hạn xử lý dẫn đến tồn đọng kéo dài, việc xử lý đối với hàng hoá bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan mà không có người đến nhận theo Điều 45 Luật Hải quan chưa có văn bản hướng dẫn dẫn đến không có cơ sở giải quyết hoặc giải quyết không thống nhất.

Mặt khác, theo báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố và doanh nghiệp, thời gian qua, tại một số cảng biển quốc tế xảy ra tình trạng hàng hóa tồn đọng, lưu giữ không có người nhận, gây khó khăn cho công tác quản lý, ô nhiễm môi trường, lãng phí tài sản và tạo bức xúc trong dư luận. Nguyên nhân tồn chủ yếu là các lô hàng chờ xin giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành, hàng hóa chờ giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại giữa người mua và người bán, hàng chờ thanh toán, hàng không có người nhận,... việc xử lý đối với loại hàng hóa này chưa có hướng dẫn cụ thể.

Xuất phát từ thực trạng hàng hóa tồn đọng tại các cửa khẩu, cảng biển và những vướng mắc, bất cập trong việc xử lý, Bộ Tài chính đã dự thảo Thông tư hướng dẫn trình tự xử lý hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan mà chưa có người đến nhận và hàng hóa khác lưu giữ tại cửa khẩu không có người nhận, đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 05/2003/TT-BTC; Dự thảo Thông tư gồm 4 Chương, 17 Điều và đã được lấy ý kiến của các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan, thuộc Bộ Tài chính, Hiệp hội cảng biển Việt Nam, Hiệp hội giao nhận kho vận Việt Nam và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

Theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và để phù hợp với thực tế công tác quản lý hàng hóa XNK tồn đọng tại cảng biển của các cơ quan hữu quan, Bộ Tài chính đề nghị các Bộ và UBND tỉnh, thành phố tham gia ý kiến vào dự thảo Thông tư (gửi kèm) gửi về Bộ Tài chính (qua Tổng cục Hải quan) theo

fax số: 04.38725909, địa chỉ thư điện tử cucgsql@customs.gov.vn) trước ngày 12/9/2011 để Bộ Tài chính tổng hợp, ban hành theo đúng tiến độ, chương trình công tác.

Trân trọng sự phối hợp của Quý Bộ. *W*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHQ. (19)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đ. Hoàng Anh Tuấn
★ **Đ. Hoàng Anh Tuấn**

www.LuatVietnam.vn

Số: /2011/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2011

Dự thảo ngày 29/8/2011

THÔNG TƯ

Hướng dẫn trình tự xử lý hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan mà chưa có người đến nhận và hàng hóa khác lưu giữ tại cửa khẩu không có người nhận.

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ Nghị định số 18/2009/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi thống nhất với Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Công Thương, Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự xử lý hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan mà chưa có người đến nhận và hàng hóa khác lưu giữ tại cửa khẩu không có người nhận như sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn trình tự xử lý đối với hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan tại cửa khẩu cảng biển, cảng sông quốc tế, cảng nội địa (ICD), địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS) mà chưa có người đến nhận theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan và hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thu gom trong quá trình xếp dỡ hàng hóa;

hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, ngoài lược khai không có người nhận (sau đây gọi tắt là hàng tồn đọng);

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với các trường hợp sau:

a) Hàng hóa do người vận chuyển đường biển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam (thực hiện theo Nghị định số 46/2006/NĐ-CP ngày 16/5/2006 của Chính phủ);

b) Thư, bưu phẩm, bưu kiện vô thừa nhận (thực hiện theo Thông tư liên tịch số 03/2004/TTLT-BBCVT-BTC ngày 29/11/2004 của liên Bộ Bưu chính Viễn thông - Bộ Tài chính);

c) Hàng hóa, hành lý, tài sản tồn đọng không có người nhận tại các cảng hàng không Việt Nam (thực hiện theo Thông tư số 33/2004/TT-BTC ngày 15/4/2004 của Bộ Tài chính);

d) Hàng tồn đọng trong kho ngoại quan (thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 195/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính);

đ) Hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan mà chưa có người đến nhận, có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài liên quan đến việc xử lý hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan mà chưa có người đến nhận, hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thu gom trong quá trình xếp dỡ hàng hóa; hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, ngoài lược khai không có người nhận.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Hàng tồn đọng theo hướng dẫn tại Thông tư này bao gồm:

1. Hàng hóa bị từ bỏ:

a) Hàng hóa mà chủ hàng có văn bản thông báo việc từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ;

b) Hàng hóa do người vận chuyển đường biển lưu giữ tại Việt Nam bỏ lại cảng biển và người vận chuyển có văn bản từ bỏ quyền lưu giữ.

2. Hàng hóa bị thất lạc:

a) Hàng hóa có địa chỉ nhận tại Việt Nam, bị thất lạc qua nước khác sau đó đưa về Việt Nam, không có người đến nhận;

b) Hàng hóa gửi đến nước khác, bị thất lạc đến Việt Nam, không có người đến nhận;

3. Hàng hóa bị gửi nhầm địa chỉ người nhận tại Việt Nam, không có người đến nhận.

4. Hàng hóa quá thời hạn khai hải quan được cơ quan hải quan thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có người đến nhận.

5. Hàng hóa khác lưu giữ tại cửa khẩu không có người nhận:

a) Hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thu gom trong quá trình xếp dỡ hàng hóa;

b) Hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, ngoài lược khai không có người nhận.

Điều 4. Hình thức xử lý

Hàng tồn đọng được xử lý theo hình thức sau:

1. Hình thức tiêu hủy: Đối với hàng hoá không còn giá trị sử dụng (mục nát, đổ vỡ, hư hỏng, giảm phẩm chất, quá hạn sử dụng, không bảo đảm chất lượng sử dụng) hoặc thuộc diện cấm lưu hành theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Hình thức tịch thu, sung công quỹ: Đối với hàng hóa còn giá trị sử dụng.

CHƯƠNG II

THEO DÕI, PHÂN LOẠI, THÔNG BÁO, LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ HÀNG TỒN DỌNG

Điều 5. Theo dõi, phân loại hàng tồn đọng

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi:

a) Theo dõi, thống kê, phân loại hàng tồn đọng theo Biểu mẫu 01/2011/TB-KB ban hành kèm Thông tư này.

b) Thông báo cho người nhận hàng hoặc Hãng tàu/Đại lý hãng tàu/doanh nghiệp giao nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

c) Thông báo tình hình hàng tồn đọng cho Chi cục hải quan quản lý (sau đây gọi tắt là Chi cục hải quan) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người nhận hàng có văn bản thông báo việc từ bỏ hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày thứ 91 đối với hàng hóa lưu giữ tại khu vực cửa khẩu quá 90 ngày kể từ ngày hàng đến cửa khẩu dỡ hàng.

d) Bố trí địa điểm kho, bãi đảm bảo đáp ứng các điều kiện giám sát hải quan để lưu giữ, bảo quản hàng tồn đọng chờ xử lý.

2. Trách nhiệm của Hãng tàu/Đại lý hãng tàu/doanh nghiệp giao nhận (sau đây gọi tắt là người vận chuyển):

Người vận chuyển có trách nhiệm thông báo cho Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập về danh sách vận đơn quá 90 ngày kể từ ngày hàng đến cửa khẩu nhập, chưa có người nhận theo Biểu mẫu 01/2011/TB-KB ban hành kèm Thông tư này, kèm các chứng từ thông báo hàng đến cửa khẩu.

3. Trách nhiệm của Chi cục hải quan:

a) Phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi và người vận chuyển để tổng hợp, theo dõi, thống kê, phân loại và tổ chức giám sát lượng hàng tồn đọng (theo Biểu mẫu số 02/2011/TH-HQ ban hành kèm Thông tư này).

b) Làm thủ tục thông báo theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 6. Thủ tục thông báo

1. Đối với các lô hàng tồn đọng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 3 Thông tư này:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi về lô hàng tồn đọng theo hướng dẫn tại khoản 2, 3, 4 Điều 3 Thông tư này, Chi cục hải quan quản lý đăng tải thông tin 03 lần liên tiếp về lô hàng trên Đài truyền hình Việt Nam, Đài truyền hình địa phương, Báo Hải quan, Báo Diễn đàn doanh nghiệp, đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở Chi cục hải quan; Thời hạn thông báo để người đến nhận hàng là 180 ngày kể từ ngày thông báo.

Đối với hàng hóa dễ bị hư hỏng, hàng đông lạnh, hóa chất nguy hiểm, độc hại thì thời hạn thông báo để người đến nhận hàng là 30 ngày và thông báo 02 lần liên tiếp.

2. Đối với hàng hóa không có người nhận khác (quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này, trừ hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thu gom trong quá trình xếp dỡ):

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng về đến cửa khẩu dỡ hàng, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thông báo cho người nhận hàng/người vận chuyển đến nhận theo Biểu mẫu số 03/2011/TB-KB ban hành kèm Thông tư này; số lần thông báo là 02 lần trong thời hạn 30 ngày.

3. Quá thời hạn thông báo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, nếu không có người đến nhận hàng thì Chi cục hải quan lập hồ sơ đề nghị xử lý theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư này.

Trường hợp chủ hàng hóa đến nhận thì được làm thủ tục nhập khẩu và phải nộp tiền phạt do việc làm thủ tục hải quan không đúng thời hạn quy định theo quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan và các chi phí phát sinh do việc chậm nhận hàng.

4. Trường hợp chưa quá 90 ngày mà người nhận hàng từ chối nhận hoặc người vận chuyển từ bỏ quyền lưu giữ đối với hàng hóa hoặc cơ quan hải quan xác định được hàng hóa thuộc danh mục hàng cấm nhập khẩu thì Chi cục hải quan báo cáo Cục trưởng Cục hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là Cục hải quan) tiến hành xử lý theo quy định tại Thông tư này, không phải thông báo.

Điều 7. Lập hồ sơ đề nghị xử lý

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quá thời hạn thông báo (180 ngày hoặc 30 ngày) tại Điều 5 Thông tư này, Chi cục hải quan nơi có hàng tồn đọng tiến hành:

1. Mở niêm phong hàng hoá hoặc niêm phong container (nếu có);
2. Kiểm tra thực tế hàng tồn đọng.

Việc kiểm tra phải có sự chứng kiến của đại diện doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi và/hoặc người vận chuyển.

3. Phân loại hàng tồn đọng.

Việc phân loại hàng tồn đọng làm cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định hình thức xử lý nêu tại Điều 4 Thông tư này.

Trong quá trình kiểm tra, phân loại, nếu cơ quan hải quan không xác định được số lượng, chủng loại, chất lượng (còn giá trị sử dụng hoặc không còn giá trị sử dụng) của hàng tồn đọng thì có thể trưng cầu giám định tại tổ chức giám định được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Niêm phong hàng hóa đã kiểm tra dưới sự chứng kiến của những người tham gia và bàn giao cho doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi bảo quản, lưu giữ.

5. Lập Biên bản chứng nhận kết quả kiểm tra và bàn giao hàng tồn đọng.

Trong Biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, tình trạng, chất lượng hàng tồn đọng và phải có chữ ký của những người tham gia.

6. Lập hồ sơ báo cáo Cục trưởng Cục hải quan ra quyết định xử lý.

Hồ sơ đề nghị xử lý gồm:

a) Tờ trình đề nghị xử lý hàng tồn đọng và đề xuất phương án xử lý (tiêu hủy hoặc tịch thu, sung công quỹ);

b) Bảng kê tên hàng, số lượng cont, trọng lượng, tên/ địa chỉ người gửi, người nhận, tên phương tiện/ngày nhập cảnh, số/ngày vận đơn, nước xuất khẩu: 01 bản chính;

c) Công văn đề nghị đăng tải gửi Đài truyền hình Việt Nam, Đài truyền hình địa phương, Báo Hải quan, Báo Diễn đàn doanh nghiệp về lô hàng hoặc

thông báo của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi cho người nhận hàng/ người vận chuyển: 01 bản sao của từng lần thông báo;

d) Biên bản chứng nhận việc kiểm tra hàng tồn đọng: 01 bản chính;

đ) Văn bản thông báo từ bỏ hàng hoá hoặc chứng từ chứng minh việc từ bỏ hàng hóa của chủ hàng hoặc người vận chuyển (nếu có): 01 bản chính;

e) Chứng thư giám định (nếu có): 01 bản chính.

CHƯƠNG III XỬ LÝ HÀNG TỒN ĐÓNG

Mục 1

Ra quyết định xử lý

Điều 8. Thời hạn và thẩm quyền ra quyết định xử lý

1. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xử lý của Chi cục hải quan, Cục trưởng Cục hải quan căn cứ quy định tại Điều 35 Nghị định 97/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này, ra quyết định xử lý tiêu hủy hoặc tịch thu, sung công quỹ và gửi cho các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện.

2. Trình tự tổ chức tiêu hủy hoặc bán hàng thực hiện theo hướng dẫn tại mục 2, mục 3 Chương III Thông tư này.

Mục 2

Tổ chức thực hiện tiêu hủy

Điều 9. Thành lập Hội đồng tiêu hủy

1. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định tiêu hủy, Cục trưởng Cục hải quan ra quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy gồm:

a) Lãnh đạo Cục hải quan: Chủ tịch Hội đồng;

b) Giám đốc doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi: Phó Chủ tịch Hội đồng.

c) Đại diện người vận chuyển: Thành viên;

d) Đại diện Chi cục hải quan, Phòng Tham mưu chống buôn lậu và xử lý thuộc Cục hải quan: Thành viên.

đ) Đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu có): Thành viên.

2. Hội đồng tiêu hủy được sử dụng con dấu của Cục hải quan để thực hiện nhiệm vụ và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 10. Biện pháp tiêu hủy

Tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của hàng tồn đọng và yêu cầu đảm bảo vệ sinh môi trường, việc tiêu hủy được thực hiện theo một trong các biện pháp sau đây và do Hội đồng tiêu hủy lựa chọn:

1. Sử dụng các loại hoá chất;
2. Sử dụng biện pháp cơ học;
3. Hủy đốt;
4. Hủy chôn;
5. Hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Tổ chức tiêu hủy

1. Doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi chủ trì, phối hợp với người vận chuyển thực hiện việc tiêu hủy trong thời hạn do Hội đồng tiêu hủy quy định.

2. Việc tổ chức tiêu hủy phải được tiến hành dưới sự giám sát trực tiếp của đại diện các bên có liên quan do Chủ tịch Hội đồng tiêu hủy phân công và được lập thành biên bản.

Nội dung chủ yếu của Biên bản tiêu hủy gồm: căn cứ và lý do thực hiện tiêu hủy; thời gian, địa điểm tiêu hủy; thành phần tham gia tiêu hủy; tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của hàng hoá tại thời điểm tiêu hủy; hình thức tiêu hủy và các nội dung khác có liên quan. Biên bản tiêu hủy phải có chữ ký của các thành viên trong Hội đồng.

3. Đối với loại hàng tồn đọng mà việc tiêu hủy làm ảnh hưởng đến môi trường thì phải được sự chấp thuận và hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường sở tại trước khi tổ chức tiêu hủy.

4. Kinh phí để thực hiện tiêu hủy do doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi chi trả và hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm của doanh nghiệp.

Mục 3

Tổ chức bán hàng

Điều 12. Thành lập Hội đồng bán hàng

1. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định tịch thu, sung công quỹ, Cục trưởng Cục hải quan báo cáo Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng bán hàng tồn đọng, gửi kèm toàn bộ hồ sơ đề

ngiht xử lý nêu tại khoản 6 Điều 7 Thông tư này (bản sao y bản chính có ký tên, đóng dấu xác nhận của Cục trưởng Cục hải quan).

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Sở Tài chính

b) Phó Chủ tịch Hội đồng:

b.1. Lãnh đạo Cục Hải quan;

b.2. Giám đốc doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi (nơi có hàng tồn đọng).

c) Các thành viên gồm:

c.1. Đại diện người vận chuyên;

c.2. Đại diện Phòng Tham mưu chống buôn lậu và xử lý và Chi cục hải quan thuộc Cục Hải quan;

c.3. Đại diện cơ quan có liên quan, như: môi trường, kiểm dịch,... (nếu thấy cần thiết).

3. Hội đồng bán hàng được sử dụng con dấu của Sở Tài chính để thực hiện nhiệm vụ và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

4. Căn cứ vào tình hình thực tế hàng tồn đọng tại khu vực cửa khẩu do đơn vị quản lý, Cục trưởng Cục hải quan báo cáo Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh, thành phố có thể ra quyết định thành lập Hội đồng thường trực bán hàng tồn đọng để thực hiện nhiệm vụ xử lý hàng hoá tồn đọng theo từng giai đoạn trong năm.

5. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu thấy cần thiết, Hội đồng bán hàng có thể thành lập tổ chuyên viên giúp việc cho Hội đồng, được thuê tổ chức có liên quan được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để kiểm kê, phân loại hàng hóa, giám định chất lượng và xác định giá trị hàng hóa.

6. Kết thúc quá trình bán hàng, Hội đồng bán hàng có trách nhiệm báo cáo cụ thể kết quả với Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh, thành phố.

Điều 13. Hình thức bán hàng

1. Việc xử lý hàng hoá tồn đọng còn giá trị sử dụng được thực hiện thông qua hình thức đấu giá công khai theo quy định của pháp luật, hoặc bán trực tiếp (không thông qua đấu giá) theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp được phép bán trực tiếp, không thông qua đấu giá:

a) Hàng tươi sống, dễ bị ôi thiu, khó bảo quản;

b) Hàng thực phẩm đã qua chế biến, thuốc chữa bệnh mà hạn sử dụng còn dưới 30 ngày;

c) Các loại hàng hóa khác nếu không xử lý ngay sẽ bị hư hỏng, hết thời hạn sử dụng.

d) Hàng hoá theo kết quả định giá có giá trị dưới 50 triệu đồng.

3. Trường hợp hàng hoá quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện hoặc thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu thì Hội đồng bán hàng đề nghị cơ quan quản lý chuyên ngành có văn bản cho phép nhập khẩu trước khi thực hiện bán hàng.

Điều 14. Trình tự bán hàng

1. Ra quyết định bán hàng

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo và đề nghị xử lý của Cục hải quan, Chủ tịch Hội đồng quyết định bán hàng theo hình thức bán đấu giá hoặc bán trực tiếp nêu tại Điều 12 Thông tư này.

2. Kiểm tra, xác định trị giá hàng hóa.

a) Trường hợp xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quyết định kiểm tra lại thực tế hàng hóa để xác định trị giá hàng hóa

b) Xác định trị giá hàng hoá.

Trị giá hàng tồn đọng được xác định căn cứ vào chất lượng của hàng hóa, vật phẩm và bảng giá do Sở Tài chính công bố tại thời điểm gần nhất; trường hợp Sở Tài chính không công bố bảng giá hoặc mặt hàng tồn đọng không có trong bảng giá do Sở Tài chính công bố thì Hội đồng bán hàng căn cứ vào chất lượng và giá bán trên thị trường của hàng hóa cùng loại để xác định giá bán cho phù hợp.

Trường hợp cần thiết, Hội đồng bán hàng mời cơ quan chuyên môn để phối hợp xác định trị giá hàng hóa.

3. Tổ chức bán hàng.

a) Đối với hàng hoá bán trực tiếp (không qua đấu giá):

Trên cơ sở giá trị hàng hoá được xác định, Hội đồng bán hàng có thể tổ chức bán trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua theo hình thức bán công khai hoặc thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp (Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản hoặc doanh nghiệp bán đấu giá tài sản) thực hiện việc bán hàng hoá tồn đọng.

b) Đối với hàng hoá bán đấu giá:

b.1. Giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá là giá do Hội đồng bán hàng xác định trên cơ sở trị giá hàng tồn đọng.

b.2. Trình tự, thủ tục bán đấu giá hàng hoá tồn đọng được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

b.3. Hội đồng bán hàng có thể trực tiếp tổ chức bán đấu giá hoặc thuê các tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp (Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản hoặc doanh nghiệp bán đấu giá tài sản) thực hiện việc bán đấu giá đối với số hàng hoá tồn đọng.

c) Việc bán hàng hoá phải được lập biên bản. Nội dung chủ yếu của biên bản gồm: căn cứ thực hiện bán; thời gian, địa điểm bán; người bán; tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của hàng hoá tại thời điểm bán; đơn giá bán, giá trị thanh toán; người mua và các nội dung khác có liên quan.

d) Người mua được hàng hóa quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này không phải làm thủ tục nhập khẩu, không phải nộp các loại thuế và lệ phí nhập khẩu.

4. Khi bán hàng hoá tồn đọng quy định tại khoản 3 Điều này, Hội đồng bán hàng có trách nhiệm cung cấp bộ chứng từ cho người mua, gồm:

a) Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung công quỹ nhà nước theo mẫu số 01/TSSQ-3L.04 ban hành kèm theo Quyết định số 12/2004/QĐ-BTC ngày 09/01/2004 của Bộ Tài chính: 01 bản chính;

b) Biên bản bán hàng hoá (trong trường hợp bán trực tiếp) hoặc Biên bản bán đấu giá tài sản (trong trường hợp bán đấu giá): 01 bản chính;

c) Phiếu xuất kho của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi: 01 bản chính;

d) Văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền đối với mặt hàng nhập khẩu có điều kiện (nếu có): 01 Bản sao;

Các bản sao phải được Chủ tịch Hội đồng ký xác nhận và đóng dấu.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ bộ chứng từ mua hàng, nếu người mua không đến nhận hàng hoặc không đưa hàng hóa ra khỏi khu vực cửa khẩu, mà không có lý do chính đáng, thì Hội đồng bán hàng tổ chức xử lý lại lô hàng tồn đọng theo hướng dẫn tại Chương III Thông tư này.

Điều 15. Quản lý tài chính sau khi bán hàng

1. Quản lý số tiền thu từ bán hàng hoá tồn đọng

a) Toàn bộ tiền thu được từ việc bán hàng tồn đọng được nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính tỉnh, thành phố xử lý hàng tồn đọng mở tại Kho bạc Nhà nước.

b) Toàn bộ các khoản thu được từ việc bán hàng tồn đọng sau khi đã trừ đi các chi phí quy định tại khoản 2 Điều này được nộp vào Ngân sách Nhà nước cùng cấp để quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi liên quan đến xử lý hàng hoá tồn đọng

a) Chi thuê các dịch vụ liên quan đến xử lý hàng hoá tồn đọng bao gồm:

a.1. Kiểm kê, phân loại hàng hoá;

- a.2. Giám định chất lượng, trị giá hàng hóa;
- a.3. Đăng tải thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- a.4. In ấn tài liệu hồ sơ bán đấu giá, phí bán đấu giá (trong trường hợp thuê các tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thực hiện).
- b) Chi phí cho các dịch vụ kho bãi, gồm:
 - b.1. Phí lưu kho, bãi (lưu hàng hóa và lưu container - nếu có) tính từ ngày Cục trưởng Cục hải quan ra Quyết định tịch thu;
 - b.2. Chi phí nâng hạ, bốc xếp trong quá trình bán hàng;
 - b.3. Chi phí giao nhận và bảo quản hàng hóa trong quá trình bán hàng.
- c) Chi bồi dưỡng cho các thành viên của Hội đồng trong quá trình bán hàng tồn đọng (kiểm kê, phân loại, giám định, định giá, lập phương án, tổ chức bán hàng) thực hiện theo chế độ công tác phí do Bộ Tài chính quy định. Ngày thanh toán là số ngày thực tế các thành viên thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng.

3. Quyết toán tài chính

a) Sở Tài chính tỉnh, thành phố căn cứ vào tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí liên quan đến bán hàng tồn đọng do Hội đồng bán hàng đề nghị, kiểm soát các hồ sơ, chứng từ có liên quan và đề nghị Kho bạc Nhà nước thực hiện chi trả. Việc chi trả được thực hiện đúng theo thứ tự ưu tiên tuân tự quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Nguồn kinh phí để chi theo quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng từ tài khoản tạm giữ của cơ quan tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước. Trong trường hợp tiền bán hàng không đủ bù chi thì chi phí chênh lệch do Ngân sách Nhà nước cấp.

c) Cuối năm ngân sách, số tiền thu được từ việc bán hàng hoá tồn đọng trên tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước quy định điểm a khoản 1 Điều này, sau khi đã trừ đi các chi phí quy định tại khoản 2 Điều này được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Báo cáo hàng tồn đọng

Căn cứ thông báo hàng tồn đọng quá 90 ngày của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi kết quả công tác giám sát hải quan, định kỳ vào ngày 15 tháng đầu của Quý, Cục Hải quan tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổng hợp, rà soát,

thống kê số lượng các lô hàng tồn đọng và kết quả xử lý hàng tồn đọng (theo Biểu mẫu số 04/2011/BC-HQ ban hành kèm Thông tư này) trong Quý về Tổng cục Hải quan (qua Cục Giám sát quản lý về hải quan).

Điều 17. Lưu trữ hồ sơ xử lý hàng tồn đọng

Hồ sơ xử lý hàng tồn đọng bao gồm: Hồ sơ đề nghị xử lý của Chi cục hải quan, Cục Hải quan tỉnh và hồ sơ xử lý của Hội đồng xử lý phải được lưu trữ theo quy định đối với hồ sơ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2011; thay thế Thông tư số 05/2003/TT-BTC ngày 13/01/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng tồn đọng tại cảng biển Việt Nam.

2. Đối với các lô hàng tồn đọng phát sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nhưng chưa được xử lý, thì trình tự xử lý thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính (qua Tổng cục Hải quan) để xem xét hướng dẫn giải quyết.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP, trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Cục thuế, Cục Hải quan các tỉnh, TP' trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ; website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCHQ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

TÊN DOANH NGHIỆP KINH DOANH KHO, BÃI/ HOẶC
TÊN HÃNG TÀU/ĐẠI LÝ HÃNG TÀU/DOANH NGHIỆP GIAO NHẬN

Biểu mẫu số 01/2011/TK-KB

THÔNG BÁO TÌNH HÌNH HÀNG HÓA TỒN ĐỌNG
TẠI
(Số liệu tính từ/...../..... đến/...../.....)

Kính gửi: Chi cục Hải quan cửa khẩu

TT	Tên hàng	Số lượng, trọng lượng	Số, loại cont/số seal	Người gửi, địa chỉ	Người nhận, địa chỉ	Số/ngày vận đơn	Tên PTVT/ngày nhập cảnh	Vị trí, địa điểm lưu giữ hàng	Phân loại tồn đọng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ghi chú: Ô số (9) ghi rõ: Thất lạc, nhầm lẫn, từ bỏ, quá thời hạn khai hải quan, hàng hóa không có người nhận khác;

NGƯỜI LẬP BẢNG

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ

SỔ THEO DÕI TỔNG HỢP, PHÂN LOẠI HÀNG HÓA TỒN ĐỘNG

TT	Tên hàng	Số lượng/ trọng lượng	Số, loại cont/số seal	Người nhận, địa chỉ	Số ngày lưu kho, bãi	Địa điểm lưu giữ hàng	Tình trạng hàng hóa	Phân loại tồn đọng	Công chức vào sổ (ký, ghi rõ họ tên, ngày vào sổ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ghi chú:

- Ô số (9) ghi rõ: Thất lạc, nhầm lẫn, từ bỏ, quá thời hạn khai hải quan, hàng hóa không có người nhận khác;
- Ô số (8) ghi một số lưu ý về hàng hóa (nếu có) như: Hàng đông lạnh, hóa chất, hàng có khả năng gây ô nhiễm môi trường,...

LÃNH ĐẠO CHI CỤC

THÔNG BÁO LẦN THỨ

Kính gửi:

- Tên người nhận (nếu có);
- Hãng tàu/đại lý hãng tàu/Công ty giao nhận.

Thông tin về lô hàng:

- + Tên hàng:
- + Số lượng, trọng lượng:
- + Số, loại cont/số seal:
- + Số/ngày vận đơn (nếu có):
- + Tên PTVT/ngày nhập cảnh:
- + Vị trí, địa điểm lưu giữ hàng:
- + Tên, địa chỉ người gửi:
- + Tên, địa chỉ người nhận:

Đến nay, đã quá 30 ngày kể từ ngày lô hàng đến cảng, nhưng Công ty ... (doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi) vẫn chưa thấy đơn vị nào đến nhận.

Trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày thông báo lần đầu) và 15 ngày (kể từ ngày thông báo lần thứ hai) nếu không có đơn vị nào đến nhận, Công ty ... (doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi) sẽ bàn giao toàn bộ lô hàng cho cơ quan hải quan cửa khẩu để tiến hành xử lý theo quy định tại Thông tư số/2011/TT-BTC ngày tháng năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý đối với hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan tại cửa khẩu cảng biển mà chưa có người đến nhận theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục hải quan ...;
- Lưu: ...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
KINH DOANH KHO, BÃI

BẢNG TỔNG HỢP, THÔNG KÊ VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ HÀNG HÓA TỒN ĐỌNG
(Số liệu tính từ/...../..... đến/...../.....)

TT	THÔNG KÊ HÀNG TỒN					KẾT QUẢ XỬ LÝ
	Tên hàng	Số lượng, trọng lượng	Số ngày lưu kho, bãi	Địa điểm lưu giữ hàng	Phân loại tồn đọng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Ghi chú: Ô số (7): - Nếu tiêu hủy thì ghi rõ lý do, thời gian, địa điểm tiêu hủy; thành phần tham gia tiêu hủy; hình thức tiêu hủy;
- Nếu chuyển hồ sơ sang cơ quan chức năng để xử lý thì ghi rõ lý do, số, ngày công văn chuyển, kết quả xử lý (nếu có);
- Nếu bán thì ghi rõ: hình thức bán, trị giá hàng hóa.

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÃNH ĐẠO CỤC

Nơi nhận:

- Cục GSQL;
- Lưu VT.